

Số: 253 /KH-UBND

Phú Riềng, ngày 11 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện chính sách hỗ trợ xóa nghèo đối với các hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn huyện Phú Riềng năm 2024, 2025

Căn cứ Chương trình hành động số 01-CT/HU ngày 19/8/2020 của Huyện ủy Phú Riềng về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 23/5/2023 của UBND huyện về thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025”,

UBND huyện ban hành Kế hoạch hỗ trợ xóa nghèo đối với hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn huyện Phú Riềng năm 2024, 2025 (sau đây viết tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG HỘ NGHÈO KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

1. Đối tượng:

Hộ nghèo không có khả năng lao động tại Kế hoạch này là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ và Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và đáp ứng tiêu chí quy định tại Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025.

2. Thực trạng:

Theo kết quả rà soát và báo cáo của các địa phương, tại thời điểm tháng 9/2024, toàn huyện có 10 hộ nghèo không có khả năng lao động (có danh sách kèm theo), chiếm 26,82% tổng số hộ nghèo toàn huyện, chia theo các nhóm đối tượng như sau:

- Già cả, neo đơn, bệnh tật, không có nguồn nuôi dưỡng: 05 hộ.
- Hộ có người bảo trợ xã hội, các thành viên còn lại bệnh tật không có khả năng lao động: 03 hộ.
- Hộ già cả, bệnh tật, các thành viên còn lại chưa đến tuổi lao động và hiện tại đang đi học: 01 hộ.
- Hộ có vợ và chồng mất khả năng lao động và các con trong độ tuổi lao động nhưng đang đi học và không tham gia hoạt động kinh tế: 01 hộ.

(Có Phụ lục 1 kèm theo)

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, CHỈ TIÊU

1. Mục đích:

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 01-CT/HU ngày 19/8/2020 của Huyện ủy Phú Riềng về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội đối với công tác giảm nghèo bền vững. Qua đó góp phần hỗ trợ tăng thu nhập và đảm bảo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản đối với các hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn huyện.

Phấn đấu hoàn thành mục tiêu đến cuối năm 2025, toàn huyện không còn hộ nghèo (trong niên độ báo cáo thống kê).

2. Yêu cầu:

Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội để xóa nghèo đối với những hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo. Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm của các phòng, ban, ngành, tổ chức đoàn thể huyện và UBND các xã trong thực hiện Kế hoạch.

Các phòng, ban, ngành, tổ chức đoàn thể huyện và UBND các xã phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo khoa học, đồng bộ, thiết thực, hiệu quả.

3. Chỉ tiêu:

- Năm 2024: Phấn đấu giảm 10/10 hộ hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn huyện.

- Năm 2025: Phấn đấu hoàn thành xóa nghèo đối với số hộ nghèo không có khả năng lao động của đợt rà soát hộ nghèo cuối năm 2024 và số hộ nghèo không có khả năng lao động phát sinh trong năm (nếu có).

III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về mục tiêu xóa nghèo đối với hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo:

Tăng cường quán triệt việc thực hiện mục tiêu xóa nghèo cho hộ nghèo không có khả năng lao động và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân đối hộ nghèo không có khả năng lao động.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, truyền thông với nhiều hình thức để hộ nghèo không có khả năng lao động tiếp cận đầy đủ các chính sách giảm nghèo, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo được tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực thực hiện Kế hoạch:

Tập trung nguồn lực của địa phương, Quỹ “Vì người nghèo”, nguồn vận động đóng góp từ các cơ quan, đoàn thể, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững để thực hiện các chính sách đối với hộ nghèo không có khả năng lao động, đảm bảo 100% các hộ không có khả năng thoát nghèo được tiếp cận các dịch vụ cơ bản như: hỗ trợ nhà ở, y tế, giáo dục, nước sạch và vệ sinh môi trường,...

Tổ chức vận động các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp, ủng hộ để có thêm nguồn lực hỗ trợ tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho các hộ nghèo

không có khả năng lao động.

3. Tạo điều kiện thuận lợi để hộ nghèo không có khả năng lao động tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản: Rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính để người dân, nhất là đối tượng thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động tiếp cận các dịch vụ (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin,...) được thuận tiện, kịp thời; nâng cao chất lượng các dịch vụ và việc tiếp cận các dịch vụ thiết thực liên quan đến đời sống của hộ nghèo, đặc biệt là hộ nghèo không có khả năng lao động.

4. Hỗ trợ nâng cao thu nhập hàng tháng cho các hộ nghèo không có khả năng lao động:

4.1. Định mức hỗ trợ: Trên cơ sở danh sách các hộ nghèo không có khả năng lao động của huyện, tiến hành hỗ trợ tăng thu nhập hàng tháng cho các hộ nghèo không có khả năng lao động, đảm bảo mức thu nhập bình quân đầu người/tháng trong hộ đạt 1.500.000 đồng/người/tháng.

4.2. Cách thức thực hiện:

a) Đối với các trường hợp được nhận kinh phí hỗ trợ từ nguồn vận động của huyện: UBND các xã có hộ nghèo được hỗ trợ liên hệ với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để nhận danh sách và kinh phí hỗ trợ hàng tháng (ngày 15 hằng tháng); UBND các xã tiến hành cấp kinh phí cho các hộ được thụ hưởng trong thời gian 03 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ.

b) Đối với các trường hợp được nhận kinh phí hỗ trợ từ Quỹ vận động “Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo”: UBND các xã có hộ nghèo được hỗ trợ liên hệ với Hội Chữ thập đỏ huyện (Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo) để nhận kinh phí hỗ trợ vào ngày 15 hằng tháng; UBND các xã tiến hành cấp kinh phí cho các hộ được thụ hưởng trong thời gian 03 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ.

c) Đối với các trường hợp do địa phương hỗ trợ: Trước ngày 15 hằng tháng, trên cơ sở danh sách các hộ nghèo không có khả năng lao động tại địa phương, UBND xã phối hợp với đơn vị nhận hỗ trợ, đờ đầu đối tượng để nhận kinh phí và lập danh sách chi hỗ trợ cho đối tượng, đảm bảo mức thu nhập bình quân đạt 1.500.000 đồng/người/tháng.

IV. CÁC GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động toàn dân tham gia xóa nghèo đối với hộ nghèo không có khả năng lao động:

Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và đề cao trách nhiệm của các cấp, các ngành; gắn nhiệm vụ xóa nghèo đối với hộ nghèo không có khả năng lao động với nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương. Các cấp, các ngành tổ chức quán triệt nội dung kế hoạch thực hiện xóa nghèo đối với hộ nghèo không có khả năng lao động đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, hội viên và các tầng lớp nhân dân; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức trong nhân dân về mục tiêu xóa nghèo đối với hộ nghèo không có khả năng lao động, gắn với phong trào thi đua “*Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*”, góp phần tạo được sự đồng thuận và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, huy động sự tham gia của toàn xã hội trong triển khai thực hiện.

Nêu gương các tập thể, cá nhân điển hình trong thực hiện giảm nghèo cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo.

2. Hỗ trợ hộ nghèo không thể thoát nghèo được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản:

1.1. Hỗ trợ về y tế:

Thường xuyên rà soát, tổng hợp và thực hiện cấp đầy đủ, kịp thời thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo không có khả năng lao động phát sinh, đảm bảo 100% người nghèo, đặc biệt là người nghèo thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động được cấp thẻ BHYT miễn phí.

Tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo không có khả năng lao động tiếp cận với các dịch vụ y tế, nhất là nơi khám chữa bệnh ban đầu.

1.2. Hỗ trợ về giáo dục: Triển khai thực hiện đầy đủ, hiệu quả chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, chính sách hỗ trợ tiền ăn; tạo điều kiện hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp, chi phí mua sách, vở và đồ dùng học tập khác cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động theo quy định.

1.3. Hỗ trợ về nhà ở:

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo, đặc biệt là hộ nghèo không có khả năng lao động theo Đề án Hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình hành động số 27-CTr/HU ngày 27/7/2023 của Huyện ủy.

Xã hội hóa, vận động mọi nguồn lực trong xã hội hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo không có khả năng lao động. Tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình xây dựng nhà Đại đoàn kết, xoá nhà dột nát cho hộ nghèo, trong đó ưu tiên thực hiện đối với hộ nghèo không có khả năng lao động.

1.4. Hỗ trợ nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường: Trên cơ sở danh sách các hộ nghèo không có khả năng lao động có nhu cầu hỗ trợ về nước sạch, vệ sinh môi trường. Tổ chức huy động, lồng ghép các nguồn vốn để triển khai thực hiện các công trình cấp nước sinh hoạt, công trình nhà vệ sinh cho hộ nghèo không có khả năng lao động.

1.5. Hỗ trợ về thông tin:

Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chính sách hỗ trợ phương tiện nghe, xem, thông tin liên lạc cho các hộ nghèo không có khả năng lao động theo quy định của nhà nước. Phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, dịch vụ truy cập Internet, hệ thống phát thanh truyền hình, trong đó ưu tiên vùng khó khăn để tạo điều kiện tuyên truyền chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến mọi người dân trong đó có hộ nghèo không thể thoát nghèo.

Thực hiện hỗ trợ điện thoại di động có hỗ trợ sóng 4G cho các đối tượng là hộ nghèo không có khả năng lao động, nhằm đảm bảo thông tin liên lạc cho các hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn huyện (khi có nhu cầu hỗ trợ).

3. Hỗ trợ hộ nghèo không có khả năng lao động đảm bảo về thu nhập:

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách có liên quan theo quy định.

Thường xuyên rà soát, có giải pháp hỗ trợ thêm thu nhập phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của các hộ.

Phân công các cơ quan, đơn vị hỗ trợ, giúp đỡ; huy động các tổ chức, cá nhân, nguồn lực tại cộng đồng để hỗ trợ trực tiếp, đảm bảo hộ có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của cộng đồng dân cư.

4. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát

Các phòng, ban, ngành, UBND các xã thường xuyên rà soát, theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện mục tiêu xóa nghèo cho hộ nghèo không thể thoát nghèo, kịp thời điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện hoàn thành mục tiêu đề ra.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng, người dân tham gia thực hiện và giám sát công tác xóa nghèo cho hộ nghèo không thể thoát nghèo theo quy định.

V. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Quỹ Quỹ Vì người nghèo của huyện.
2. Quỹ vận động hỗ trợ cho đối tượng khó khăn của huyện.
3. Quỹ nhân đạo mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với 01 địa chỉ nhân đạo.
4. Nguồn lực hỗ trợ, giúp đỡ từ các tổ chức, cá nhân, các đơn vị nhận đỡ đầu (nếu có).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, ban, ngành của huyện

Tham gia triển khai thực hiện Kế hoạch trong phạm vi và nội dung nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực do phòng, ban, ngành quản lý. Căn cứ các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được xác định trong Kế hoạch này, cụ thể hóa trong các chính sách, chương trình, dự án và kế hoạch hoạt động của ngành, đơn vị để tổ chức thực hiện.

Tích cực huy động nguồn lực từ cộng đồng, các tổ chức, cá nhân để giúp đỡ hộ nghèo không thể thoát nghèo trong lao động, sản xuất, cải thiện nhà ở, chăm sóc; giúp đỡ và hỗ trợ các hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, thành viên không còn sức lao động.

Thực hiện tốt mục tiêu mỗi cơ quan, đơn vị nhận hỗ trợ, giúp đỡ, vận động xã hội hóa trợ giúp cho 01 hộ nghèo không có khả năng lao động.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

Là cơ quan thường trực, theo dõi, tổng hợp, tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo thực hiện xóa nghèo cho hộ nghèo không thể thoát nghèo trên địa bàn huyện.

Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan và UBND các xã tổ chức thực hiện, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nội dung của Kế hoạch. Tổng hợp, báo cáo UBND huyện kết quả thực hiện theo quy định.

Tham mưu UBND huyện phê duyệt kinh phí và danh sách các hộ nghèo không có khả năng lao động được hỗ trợ hàng tháng theo từng năm và khi có phát sinh.

Thực hiện cấp kinh phí về cho các địa phương có các hộ nghèo không có khả năng lao động, để hỗ trợ kịp thời và đảm bảo nguồn thu nhập tối thiểu cho các hộ nghèo được phê duyệt.

Hướng dẫn các địa phương rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo đúng quy định; cập nhật đầy đủ thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo của toàn huyện vào phần mềm để phục vụ các nhiệm vụ và cập nhật thường xuyên hàng năm.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Y tế huyện: Cụ thể hóa các chỉ tiêu về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin trong Kế hoạch, nhằm tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận một cách tốt nhất đến các dịch vụ xã hội cơ bản; tổng hợp báo cáo theo quy định.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, các tổ chức chính trị - xã hội huyện:

Tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong việc vận động sự tham gia của xã hội, cộng đồng thực hiện xóa nghèo cho hộ nghèo không có khả năng lao động, hưởng ứng phong trào “*Chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại ở phía sau*”, tổ chức hiệu quả hoạt động Tháng cao điểm “*Vì người nghèo*”, “*Tết vì người nghèo*”. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và toàn dân hưởng ứng, tham gia các cuộc vận động hỗ trợ giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới; xây dựng Quỹ Vì người nghèo các cấp để thực hiện hiệu quả các hoạt động hỗ trợ hộ nghèo không có khả năng lao động. Lồng ghép các chương trình mục tiêu, các dự án, hoạt động của đoàn thể với công tác xóa nghèo đối với hộ nghèo không có khả năng lao động.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình phối hợp số 09/CTrPH/UBND-UBMTTQ ngày 22/6/2023 giữa UBND huyện và Ủy ban MTTQVN huyện. Phối hợp với chính quyền các cấp tổ chức triển khai và giám sát việc thực hiện Kế hoạch theo quy định. Tăng cường vận động hội viên, đoàn viên, nhân dân, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tham gia nhận hỗ trợ, đỡ đầu hộ nghèo không thể thoát nghèo; tích cực giúp đỡ những hội viên thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trong việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ của nhà nước.

5. Hội Chữ thập đỏ huyện:

Tăng cường các hoạt động tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về nội dung, ý nghĩa và trách nhiệm đối với việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững.

Tăng cường công tác vận động các mạnh thường quân hỗ trợ kịp thời cho các đối tượng yếu thế trên địa bàn huyện, trong đó chú trọng đến các hộ nghèo không có khả năng lao động.

Tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo Cuộc vận động “*Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo*” huyện phân công trách nhiệm nhận hỗ trợ, giúp đỡ đối với các hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn huyện cho các cơ quan, đơn vị nhằm thực hiện tốt Cuộc vận động “*Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo*”.

Tổ chức vận động, gắn kết các địa chỉ nhân đạo theo tinh thần của Ban Chỉ đạo Cuộc vận động “*Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo*” huyện để kịp thời hỗ trợ đối với các hộ nghèo được phân công tại Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch

này, thời gian thực hiện kể từ ngày 01/12/2024.

6. Ủy ban nhân dân các xã

Xây dựng kế hoạch và tập trung vận động mọi nguồn lực hỗ trợ, địa chỉ nhân đạo trên địa bàn để thực hiện mục tiêu xóa nghèo cho hộ nghèo không có khả năng lao động năm 2024, 2025 tại địa phương.

Xây dựng và triển khai các giải pháp hỗ trợ cụ thể, phù hợp, sát thực tế, khả thi, có sự thống nhất, phân công trách nhiệm rõ ràng đối với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân... hỗ trợ, giúp đỡ từng hộ nghèo không thể thoát nghèo khắc phục các nguyên nhân nghèo và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

Huy động nguồn lực, tổ chức vận động các doanh nghiệp, nhà hảo tâm xây dựng Quỹ Vì người nghèo.

Chỉ đạo sát sao việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp giảm nghèo; tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đúng quy trình, quy định. Theo dõi, quản lý chặt chẽ số hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá tình hình, tiến độ thực hiện xóa nghèo đối với hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định.

Tổ chức thực hiện hỗ trợ đối với các hộ nghèo được phân công tại Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này, kể từ ngày 01/12/2024.

Các phòng, ban, ngành, tổ chức đoàn thể huyện và UBND các xã nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, các đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo UBND huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để xem xét, chỉ đạo, giải quyết theo quy định (Kèm theo danh sách 10 hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn huyện)./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động - TB&XH (báo cáo);
- Thường trực Huyện ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND huyện (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND huyện;
- Trưởng BCĐ số 1531 của Huyện ủy;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Thành viên BCĐCTMTQG huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã;
- LĐVP, CVVY;
- Lưu: VT.



Bùi Văn Hiếu

DANH SÁCH CÁC HỘ NGHÈO KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG THOÁT NGHÈO
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 253 /KH-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện)

| STT | Họ và tên chủ hộ và thành viên hộ | Quan hệ với chủ hộ | Năm sinh | Địa chỉ | Hoàn cảnh gia đình | Các nhu cầu cần hỗ trợ |
|------------------------|-----------------------------------|--------------------|------------|-----------|---|--|
| 1. Xã Phú Trung | | | | | | |
| 1 | Hà Thị Hào | Chủ hộ | 01/01/1955 | Phú Lâm | Già yếu mắc bệnh hiểm nghèo (tim, thận); được cháu gái và người thân hỗ trợ hàng tháng 1 triệu đồng/tháng | Cần hỗ trợ tăng thêm thu nhập hàng tháng; tiếp tục hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng; hỗ trợ thẻ BHYT |
| 2 | Lê Thị Hoàng | Chủ hộ | 01/7/1955 | Phú Tiến | Già yếu, mắc bệnh hiểm nghèo, nuôi con bị bệnh thần kinh đang hưởng BTXH hàng tháng 750 ngàn đồng/tháng; đang được hỗ trợ theo NQ số 19 của tỉnh: 1,2 triệu đồng/tháng. | Cần hỗ trợ tăng thêm thu nhập hàng tháng; tiếp tục hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng; hỗ trợ thẻ BHYT |
| | Lê Thị Hoàng Lam | Con | 01/01/1979 | Phú Tiến | | |
| 3 | Lê Thị Lá | Chủ hộ | 20/02/1950 | Phú Tiến | Già neo đơn; mắc bệnh hiểm nghèo; đang được hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng 300 ngàn đồng/tháng | Cần hỗ trợ tăng thêm thu nhập hàng tháng; tiếp tục hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng; hỗ trợ thẻ BHYT |
| 2. XÃ LONG HƯNG | | | | | | |
| 4 | Phạm Thị Giao | chủ hộ | 1955 | Thôn 1 | Già yếu, neo đơn; đang hưởng trợ cấp xã hội 1.250 ngàn đồng/tháng; đang được hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng (300 ngàn đồng/tháng); theo NQ số 19 của tỉnh: 1,2 triệu đồng/tháng; | Cần hỗ trợ tăng thêm thu nhập hàng tháng; tiếp tục hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng; hỗ trợ thẻ BHYT |
| 5 | Trịnh Viết Dương | chủ hộ | 1942 | Thôn 2 | 02 vợ chồng già yếu; chồng và con đang hưởng trợ cấp BTXH hàng tháng (2.250 ngàn đồng/tháng/02 người); hưởng theo NQ số 19 của tỉnh: 1,2 triệu đồng/tháng; đang được hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng (500 ngàn đồng/tháng) | Cần hỗ trợ tăng thêm thu nhập hàng tháng; tiếp tục hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng |
| | Trịnh Viết Thường | con | 1973 | Thôn 2 | | |
| | Đặng Thị Chút | vợ | 1947 | Thôn 2 | | |
| 3. XÃ BÌNH SƠN | | | | | | |
| 6 | Thị Chương | Chủ hộ | 1961 | Bình Minh | Già cả, bị bệnh, không có thu nhập; 01 cháu nhỏ đã nghỉ học đi bóc mù thuê (mỗi tháng 1,5tr) 01 cháu nhỏ đang đi học; đang được hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng (500 ngàn đồng/tháng) | Đề nghị tiếp tục được hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng; chi phí học tập cho các cháu; thẻ BHYT |
| | Điều Thị Nga | Cháu | 2011 | Bình Minh | | |
| | Điều Thị Loan | Cháu | 2014 | Bình Minh | | |
| 7 | Nguyễn Thị Liễu | Chủ hộ | 1973 | Bình Điền | Khuyết tật nhẹ, không có việc làm | Không nhận hỗ trợ |
| 4. XÃ PHƯỚC TÂN | | | | | | |

| STT | Họ và tên chủ hộ và thành viên hộ | Quan hệ với chủ hộ | Năm sinh | Địa chỉ | Hoàn cảnh gia đình | Các nhu cầu cần hỗ trợ |
|-------------------------|-----------------------------------|--------------------|------------|------------|--|--|
| 8 | Điểu Bé | Chủ hộ | 1965 | Bình Trung | Không có việc làm, không có thu nhập; đang được hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng (300 ngàn đồng/tháng) | Cần hỗ trợ tăng thêm thu nhập hàng tháng; tiếp tục hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng; hỗ trợ thẻ BHYT |
| 3 | | | | | | |
| 9 | Ngô Văn Út | Chủ hộ | 1949 | Thôn 6 | Già yếu, không có thu nhập; đang được hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng (300 ngàn đồng/tháng); bán tạp hóa nhỏ lẻ tại nhà | Cần hỗ trợ tăng thêm thu nhập hàng tháng; tiếp tục hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng; hỗ trợ thẻ BHYT |
| | Đỗ Thị Lạc | vợ | 1949 | Thôn 6 | | |
| 6. XÃ PHÚ RIỀNG | | | | | | |
| 10 | Y Sa (chết) | Chủ hộ | 1954 | Phú Vinh | 2 Cháu là người khuyết tật, hiện đang đi học, mẹ chết, ba bỏ đi; 02 em là Đặng Thành Lộc, Đặng Thị Ngọc Hương đã được giải quyết chế độ BTXH cho người khuyết tật 1.750.000đ/2 người/tháng; Đang hưởng theo NQ số 19 của tỉnh: 2.400 ngàn đồng/02 người; Hội phụ nữ hỗ trợ đỡ đầu 1 triệu đồng; đang được hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng (300 ngàn đồng/tháng) | Đề nghị tiếp tục được hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng |
| | Đặng Thành Lộc | Cháu | 08/09/2007 | Phú Vinh | | |
| | Đặng Thị Ngọc Hương | Cháu | 12/11/2015 | Phú Vinh | | |
| Tổng cộng: 10 hộ | | | | | | |



BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ CẦN HỖ TRỢ VÀ PHÂN CÔNG HỖ TRỢ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ NGHÈO
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện)

| STT | Họ và tên chủ hộ và thành viên hộ | Quan hệ với chủ hộ | Năm sinh | Địa chỉ | Nguồn kinh phí đang được hỗ trợ | | | | Thu nhập từ công việc | Tổng nguồn kinh phí đã được hỗ trợ | Kinh phí cần hỗ trợ bổ sung thêm | Đơn vị trực tiếp hỗ trợ |
|------------------------|-----------------------------------|--------------------|------------|-----------|---------------------------------|--------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------------------|----------------------------------|--|
| | | | | | Trợ cấp BTXH | Nghị Quyết số 19 của HĐND tỉnh | Nguồn hỗ trợ của huyện | Các địa chỉ nhân đạo | | | | |
| 1. Xã Phú Trung | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Hà Thị Hào | Chủ hộ | 01/01/1955 | Phú Lâm | - | - | 300 | - | 1.000 | - | 200 | UBND xã Phú Trung |
| 2 | Lê Thị Hoàng | Chủ hộ | 01/7/1955 | Phú Tiến | - | - | 300 | - | 1.500 | 3.750 | - | UBND xã Phú Trung |
| | Lê Thị Hoàng Lam | Con | 01/01/1979 | Phú Tiến | 750 | 1.200 | - | - | - | | | |
| 3 | Lê Thị Lá | Chủ hộ | 20/02/1950 | Phú Tiến | - | - | 300 | - | - | 300 | 1.200 | Quỹ vận động "Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo" của huyện |
| 2. XÃ LONG HƯNG | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Phạm Thị Giao | chủ hộ | 1955 | Thôn 1 | 1.250 | 1.200 | 300 | - | - | 2.750 | - | UBND xã Long Hưng |
| 5 | Trịnh Viết Dương | chủ hộ | 1942 | Thôn 2 | 1.250 | 1.200 | 500 | - | - | 4.200 | 300 | UBND xã Long Hưng |
| | Trịnh Viết Thường | con | 1973 | Thôn 2 | 750 | - | - | - | - | | | |
| | Đặng Thị Chút | vợ | 1947 | Thôn 2 | 500 | - | - | - | - | | | |
| 3. XÃ BÌNH SƠN | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Thị Chường | Chủ hộ | 1961 | Bình Minh | - | - | 500 | 500 | - | 2.500 | 2.000 | Quỹ vận động "Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo" của huyện |
| | Điều Thị Nga | Cháu | 2011 | Bình Minh | - | - | - | 1.500 | - | | | |
| | Điều Thị Loan | Cháu | 2014 | Bình Minh | - | - | - | - | - | | | |
| 7 | Nguyễn Thị Liễu | Chủ hộ | 1973 | Bình Điền | - | - | - | - | - | - | 1.500 | Quỹ vận động "Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo" của huyện |

| STT | Họ và tên chủ hộ và thành viên hộ | Quan hệ với chủ hộ | Năm sinh | Địa chỉ | Nguồn kinh phí đang được hỗ trợ | | | | Thu nhập từ công việc | Tổng nguồn kinh phí đã được hỗ trợ | Kinh phí cần hỗ trợ bổ sung thêm | Đơn vị trực tiếp hỗ trợ |
|-------------------------|-----------------------------------|--------------------|------------|------------|---------------------------------|--------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------------------|--|-------------------------|
| | | | | | Trợ cấp BTXH | Nghị Quyết số 19 của HĐND tỉnh | Nguồn hỗ trợ của huyện | Các địa chỉ nhân đạo | | | | |
| 4. XÃ PHƯỚC TÂN | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Điểu Bé | Chủ hộ | 1965 | Bình Trung | - | - | 300 | - | - | 300 | 1.200 | UBND xã Phước Tân |
| 5. XÃ LONG BÌNH | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Ngô Văn Út | Chủ hộ | 1949 | Thôn 6 | - | - | 300 | - | 1.200 | 1.500 | 1.500 | UBND xã Long Bình |
| | Đỗ Thị Lạc | vợ | 1949 | Thôn 6 | - | - | - | - | - | | | |
| 6. XÃ PHÚ RIỀNG | | | | | | | | | | | | |
| 10 | Y Sa (chết) | Chủ hộ | 1954 | Phú Vinh | Đã chết | | | | 7.700 | - | Chi cục thuế huyện Phú Riềng và Hội Phụ nữ xã hỗ trợ | |
| | Đặng Thành Lộc | Cháu | 08/09/2007 | Phú Vinh | 750 | 1.200 | 300 | 2.000 | | | | - |
| | Đặng Thị Ngọc Hương | Cháu | 12/11/2015 | Phú Vinh | 1.250 | 1.200 | - | 1.000 | | | | - |
| Tổng cộng: 10 hộ | | | | | | | | | | 23.000 | 7.900 | |



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ HOÀN CẢNH CÁC HỘ NGHÈO KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện)

| STT | Họ và tên chủ hộ và thành viên hộ | Quan hệ với chủ hộ | Năm sinh | Địa chỉ | Hoàn cảnh gia đình |
|------------------------|-----------------------------------|--------------------|------------|----------|---|
| 1. Xã Phú Trung | | | | | |
| 1 | Hà Thị Hào | Chủ hộ | 01/01/1955 | Phú Lâm | Già yếu mắc bệnh hiểm nghèo (tim, thận); được cháu gái và người thân hỗ trợ hàng tháng |
| 2 | Lê Thị Hoàng | Chủ hộ | 01/7/1955 | Phú Tiến | Già yếu, mắc bệnh hiểm nghèo, nuôi con bị bệnh thần kinh đang hưởng BHXH hàng tháng 750 ngàn đồng/tháng) |
| | Lê Thị Hoàng Lam | Con | 01/01/1979 | Phú Tiến | |
| 3 | Lê Thị Lá | Chủ hộ | 20/02/1950 | Phú Tiến | Già neo đơn; mắc bệnh hiểm nghèo; đang được hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng 300 ngàn đồng/tháng |
| 2. XÃ LONG HƯNG | | | | | |
| 4 | Phạm Thị Giao | chủ hộ | 1955 | Thôn 1 | Già yếu, neo đơn; đang hưởng trợ cấp xã hội 1.250 ngàn đồng/tháng; hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 19 của HĐND tỉnh 1,2 triệu đồng/tháng; đang được hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng (300 ngàn đồng/tháng) |
| 5 | Trịnh Viết Dương | chủ hộ | 1942 | Thôn 2 | 02 vợ chồng già yếu; chồng và con đang hưởng trợ cấp BHXH hàng tháng (2.250 ngàn đồng/tháng/02 người); hưởng theo NQ số 19 của tỉnh: 1,2 triệu đồng/tháng; đang được hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng (500 ngàn đồng/tháng) |
| | Trịnh Viết Thường | con | 1973 | Thôn 2 | |
| | Đặng Thị Chút | vợ | 1947 | Thôn 2 | |
| 3. XÃ BÌNH SON | | | | | |

| STT | Họ và tên chủ hộ và thành viên hộ | Quan hệ với chủ hộ | Năm sinh | Địa chỉ | Hoàn cảnh gia đình |
|-------------------------|-----------------------------------|--------------------|------------|------------|--|
| 6 | Thị Chương | Chủ hộ | 1961 | Bình Minh | Già cả, bị bệnh, không có thu nhập; 01 cháu nhỏ đã nghỉ học đi bóc mù thuê (mỗi tháng 1,5tr) 01 cháu nhỏ đang đi học; đang được hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng (500 ngàn đồng/tháng) |
| | Điều Thị Nga | Cháu | 2011 | Bình Minh | |
| | Điều Thị Loan | Cháu | 2014 | Bình Minh | |
| 7 | Nguyễn Thị Liễu | Chủ hộ | 1973 | Bình Điền | Khuyết tật nhẹ, không có việc làm |
| 4. XÃ PHƯỚC TÂN | | | | | |
| 8 | Điều Bé | Chủ hộ | 1965 | Bình Trung | Không có việc làm, không có thu nhập; đang được hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng (300 ngàn đồng/tháng) |
| 5. XÃ LONG BÌNH | | | | | |
| 9 | Ngô Văn Út | Chủ hộ | 1949 | Thôn 6 | Già yếu, không có thu nhập; đang được hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng (300 ngàn đồng/tháng) |
| | Đỗ Thị Lạc | vợ | 1949 | Thôn 6 | |
| 6. XÃ PHÚ RIỀNG | | | | | |
| 10 | Y Sa (chết) | Chủ hộ | 1954 | Phú Vinh | 2 Cháu là người khuyết tật, hiện đang đi học, mẹ chết, ba bỏ đi; 02 em là Đặng Thành Lộc, Đặng Thị Ngọc Hương đã được giải quyết chế độ BTXH cho người khuyết tật 1.750.000đ/2 người/tháng; Đang hưởng theo NQ số 19 của tỉnh: 2.400 ngàn đồng/02 người; Hội phụ nữ hỗ trợ đỡ đầu 1 triệu đồng; đang được hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng (300 ngàn đồng/tháng) |
| | Đặng Thành Lộc | Cháu | 08/09/2007 | Phú Vinh | |
| | Đặng Thị Ngọc Hương | Cháu | 12/11/2015 | Phú Vinh | |
| Tổng cộng: 10 hộ | | | | | |

